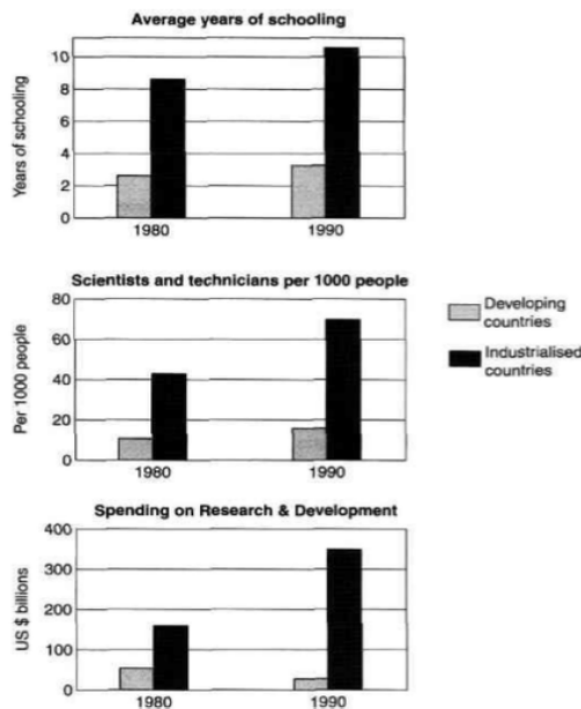


WRITING TASK 1 CHALLENGE 52

DẠNG: BAR CHART

The charts below show the levels of participation in education and science in developing and industrialized countries in 1980 and 1990.

Summarise the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant.



BƯỚC 1: Đọc đề và thực hiện theo các bước sau:

- 1/ Tạo structure (dàn ý) cho bài (có mấy đoạn, mỗi đoạn viết gì)
- 2/ Xác định 1-2 điểm nổi bật nhất và chung nhất để làm câu nhận xét tổng quan (overview) + Các key features mà bạn sẽ mô tả về chart (Body paragraphs)



Next Level English

Take your English to the next level with IELTS teachers 8.0+

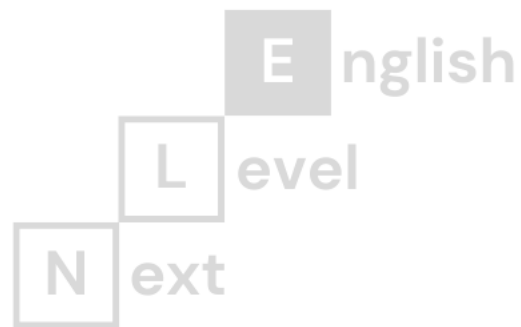
Website: nextlevelenglish.vn

Fanpage/YouTube: [Next Level English](#)

Group: [Học IELTS 8.0+ cùng Hanna](#)

Phone: 0869.354.255 (Zalo – Nuhao)

BƯỚC 2: Tự viết bài theo ý của bạn (min 150 từ), cố gắng canh thời gian ≤ 20 phút.





BƯỚC 3: Đọc bài mẫu và học từ vựng

Sample essay (Simon_band 9.0)

The three bar charts show average years of schooling, numbers of scientists and technicians, and research and development spending in developing and developed countries. Figures are given for 1980 and 1990.

It is clear from the charts that the figures for developed countries are much higher than those for developing nations. Also, the charts show an overall increase in participation in education and science from 1980 to 1990.

People in developing nations attended school for an average of around 3 years, with only a slight increase in years of schooling from 1980 to 1990. On the other hand, the figure for industrialized countries rose from nearly 9 years of schooling in 1980 to nearly 11 years in 1990.

From 1980 to 1990, the number of scientists and technicians in industrialized countries almost doubled to about 70 per 1000 people. Spending on research and development also saw rapid growth in these countries, reaching \$350 billion in 1990. By contrast, the number of science workers in developing countries remained below 20 per 1000 people, and research spending fell from about \$50 billion to only \$25 billion.

(184 words)

1/ Structure essay (dàn ý)

Paragraph 1 – Introduction

- Paraphrases the task question.
- States what is being compared:
 - Education level, science workforce, and R&D spending
 - Developing vs developed countries
 - Two time points (1980 and 1990)

Paragraph 2 – Overview

- Summarises the main trends without figures.
- Highlights two key features:
 - Developed countries consistently recorded much higher figures than developing nations.
 - Overall growth in education and scientific participation over the period.

Paragraph 3 – Details (Education)

- Describes average years of schooling in developing countries.

- Compares these figures with the much higher and rising levels in developed countries.

Paragraph 4 – Details (Science and R&D)

- Reports changes in the number of scientists and technicians.
- Describes contrasting trends in research and development spending.

2/ Dịch song ngữ:

English	Vietnamese
The three bar charts show average years of schooling, numbers of scientists and technicians, and research and development spending in developing and developed countries. Figures are given for 1980 and 1990.	Ba biểu đồ cột thể hiện số năm đi học trung bình, số lượng các nhà khoa học và kỹ thuật viên, và chi tiêu cho nghiên cứu và phát triển tại các quốc gia đang phát triển và phát triển. Số liệu được cung cấp cho năm 1980 và 1990.
It is clear from the charts that the figures for developed countries are much higher than those for developing nations. Also , the charts show an overall increase in participation in education and science from 1980 to 1990.	Có thể thấy rõ từ các biểu đồ rằng các số liệu của các quốc gia phát triển cao hơn nhiều so với các nước đang phát triển. Ngoài ra , các biểu đồ cho thấy sự gia tăng nhìn chung trong việc tham gia vào giáo dục và khoa học từ 1980 đến 1990.
People in developing nations attended school for an average of around 3 years, with only a slight increase in years of schooling from 1980 to 1990. On the other hand , the figure for industrialized countries rose from nearly 9 years of schooling in 1980 to nearly 11 years in 1990.	Người dân ở các quốc gia đang phát triển đi học trung bình khoảng 3 năm, với chỉ mức tăng nhẹ về số năm đi học từ 1980 đến 1990. Ngược lại , con số của các quốc gia công nghiệp hóa tăng từ gần 9 năm học vào năm 1980 lên gần 11 năm vào năm 1990.
From 1980 to 1990, the number of scientists and technicians in industrialized countries almost doubled , while spending on research and development saw rapid growth . By contrast , the number of science workers in developing countries remained below 20 per 1000 people, and research spending fell sharply over the period.	Từ 1980 đến 1990, số lượng các nhà khoa học và kỹ thuật viên tại các quốc gia công nghiệp hóa gần như tăng gấp đôi , trong khi chi tiêu cho nghiên cứu và phát triển tăng nhanh . Ngược lại , số lao động khoa học ở các nước đang phát triển vẫn duy trì dưới 20 trên mỗi 1000 người, và chi tiêu nghiên cứu giảm mạnh trong giai đoạn này.

3/ Vocab and Grammar:

3.1/ Vocabulary:

Từ / Cụm	Loại	Nghĩa tiếng Việt	Synonym	Antonym
average years of schooling	n phr	số năm đi học trung bình	mean years of education	—
numbers of scientists and technicians	n phr	số lượng nhà khoa học và kỹ thuật viên	science workforce	—
research and development spending	n phr	chi tiêu cho nghiên cứu và phát triển	R&D expenditure	—
much higher than	adj phr	cao hơn nhiều so với	far higher than	—
an overall increase	n phr	sự gia tăng nhìn chung	a general rise	—
participation in education and science	n phr	sự tham gia vào giáo dục và khoa học	involvement in education and science	—
attended school for an average of	v phr	đi học trung bình	spent an average of ... years in school	—
a slight increase	n phr	mức tăng nhẹ	a modest rise	—
rose from ... to ...	v phr	tăng từ ... lên ...	increased from ... to ...	—
almost doubled	v phr	gần như tăng gấp đôi	nearly doubled	—
saw rapid growth	v phr	ghi nhận tăng trưởng nhanh	experienced rapid growth	—
remained below	v phr	duy trì dưới mức	stayed under	exceeded
fell sharply	v phr	giảm mạnh	declined sharply	rose sharply

3.2/ Ngữ pháp và cấu trúc hay:

Cấu trúc	Nghĩa tiếng Việt	Cách dùng	Ví dụ trong bài
The three bar charts show ...	Ba biểu đồ cột cho thấy ...	Dùng cho Introduction khi có nhiều biểu đồ	<i>The three bar charts show average years of schooling...</i>
It is clear from the charts that + clause	Có thể thấy rõ từ biểu đồ rằng...	Dùng trong Overview để nêu xu hướng chính	<i>It is clear from the charts that the figures for developed countries are much higher...</i>



Cấu trúc	Nghĩa tiếng Việt	Cách dùng	Ví dụ trong bài
Also, + clause	Ngoài ra, ...	Dùng để bổ sung nhận xét tổng quan	<i>Also, the charts show an overall increase...</i>
On the other hand, + clause	Ngược lại, ...	Dùng để so sánh hai nhóm đối lập	<i>On the other hand, the figure for industrialized countries rose...</i>
From ... to ...	từ ... đến ...	Dùng để chỉ khoảng thời gian	<i>From 1980 to 1990, the number of scientists...</i>
By contrast, + clause	Ngược lại, ...	Dùng để nhấn mạnh sự đối lập	<i>By contrast, the number of science workers in developing countries...</i>

BƯỚC 4: Sau khi đã học từ bài mẫu, nếu được enhance bài viết của bạn, bạn sẽ viết lại thế nào?

